TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY BẮC** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 21-6-2023.
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Nguyên**.
Các Hội thẩm nhân dân:
+ Bà **Lê Thị Hồng Nhan**.
+ Ông **Phan Thành Phước**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Quỳnh Như** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Nhân** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2023 về việc: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Hồng N** - Sinh năm: 1994, địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp K, xã L, thành phố M, tỉnh Cà Mau; địa chỉ liên lạc: Số P, Đường B, Ấp D, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh **Trương Văn V** - Sinh năm: 1992; địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09/8/2022, bản tự khai ngày 17 tháng 4 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Hồng N1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trương Văn V kết hôn năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau vào ngày 02/01/2014 và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, càng về sau thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống nên sống ly thân từ tháng 5 năm 2021. Chị N1 cho rằng hôn nhân không còn hạnh phúc, không thể đoàn tụ để tiếp tục cuộc sống chung của vợ chồng nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Trương Văn V, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: Chị và anh V có một người con chung là Trương Gia H - Sinh ngày 09/3/2019, hiện đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị N1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị N1 trình bày là không có.

Bị đơn là anh Trương Văn V vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về các vấn đề có liên quan đến vụ án.

Tại phiên tòa:

Chị Nguyễn Hồng N1, anh Trương Văn V vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre phát biểu: Thẩm phán thụ lý, giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích, đánh giá lời trình bày của đương sự, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cụ thể:

(1) Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Hồng N1 được ly hôn với anh Trương Văn V.

(2) Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Hồng N1 được quyền tiếp tục, trực tiếp nuôi người con chung giữa chị với anh Trương Văn V là: Trương Gia H - Sinh ngày 09/3/2019, hiện đang sống chung với chị N1, anh V không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N1 không yêu cầu.

(3) Về tài sản chung, về nợ chung: Không xem xét, giải quyết do không có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Nguyễn Hồng N1 yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con với anh Trương Văn V có địa chỉ ấp P, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc: "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

[2] Anh V vắng mặt tại các phiên hòa giải vào ngày 17/4/2023, ngày 09/5/2023 đồng thời chị N1 có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Chị N1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh V đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Tòa án xét xử vắng mặt chị N1, anh V là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

[3.1] Chị N1, anh V có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau vào năm 2014, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công nhận.

[3.2] Trên cơ sở lời trình bày của chị N1, biên bản xác minh nguyên nhân mâu thuẫn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định được chị N1 và anh V có phát sinh mâu thuẫn như chị N1 đã trình bày; anh chị đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay mà không đoàn tụ được, giữa anh chị không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, anh V không có mặt tại Tòa án để tham gia phiên hòa giải nhằm mục đích đoàn tụ, từ đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị N1 với anh V đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của chị N1 về việc ly hôn với anh V là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Chị N1 yêu cầu nuôi người con chung giữa chị với anh V là: Trương Gia H - Sinh ngày 09/3/2019, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, anh V vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, cũng không gửi cho Tòa án văn bản có yêu cầu về việc nuôi con, trong khi đó người con đang sống chung với chị N1, để đảm bảo sự phát triển bình thường về thể chất và tinh thần của con chung, nên giao cho chị N1 tiếp tục nuôi người con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81

của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Chị N1 không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con nên anh V không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung, về nợ chung: Chị N1 không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung và trình bày là không có nợ; anh V vắng mặt và không có văn bản yêu cầu gì về cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung, nợ chung. Đồng thời Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre cũng không nhận được đơn yêu cầu giải quyết về nợ có liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị N1 là người khởi kiện yêu cầu ly hôn nên chị phải chịu 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các điều 5, 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Hồng N1, cụ thể:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Hồng N1 được ly hôn với anh Trương Văn V.

2/ Về con chung:

Chị Nguyễn Hồng N1 được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi người con chung giữa chị với anh Trương Văn V là: Trương Gia H - Sinh ngày 09/3/2019 (hiện đang sống chung với chị N1) cho đến khi người con đủ mười tám tuổi. Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N1 không yêu cầu.

Anh Trương Văn V có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở anh thực hiện quyền này. Trường hợp anh V lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì chị N1 có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh V.

Vì lợi ích của con chung, chị N1, anh V hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3/ Về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung, về nợ chung: Không xem xét, giải quyết do không có yêu cầu.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Hồng N1 phải chịu 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002502 ngày 27 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre; chị N1 đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5/ Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Hồng N1, anh Trương Văn V vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã B;
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện C;
- Phòng KTNV và THA-TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Nguyễn Văn Nguyên